

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23/8/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Thường;

Ông Hoàng Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019; về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019, ngày 15/8/2019 hoãn phiên tòa và Hội đồng xét xử ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 23/8/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị B, sinh năm 1988.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đâu 4, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

(Nguyên đơn vắng mặt có lý do; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Ngân hàng CSXH thị xã Nghĩa Lộ. (Có công văn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2009 tại UBND xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, chúng tôi về sống cùng với bố mẹ chồng tại thôn Đâu 4, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái được 4 năm sau đó ra ở riêng nhưng cũng cùng địa chỉ trên. Thời gian đầu vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn do anh H hay uống rượu và có tính ghen tuông. Anh H nhiều lần có hành vi dọa nạt, xúc phạm tôi và gia đình tôi, khiến tình cảm vợ chồng không còn. Tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ tôi ở bản Tào, xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn sống từ khoảng tháng 02/2019 cho đến nay. Tuy đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tôi

xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ giải quyết cho tôi được ly hôn anh H.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Tuyết, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2010. Khi được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị B có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, tổng số tài sản tính bằng tiền là 253.000.000đ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị B đã cung cấp cho Tòa án gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn H; bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Thị Hồng Tuyết, bản sao chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị B và Nguyễn Văn H; Bản sao đăng ký xe mô tô Nguyễn Văn H; Bản sao sổ vay vốn Nguyễn Văn H.

Tại biên bản lấy lời khai, trong phiên hoà giải chị B vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H cũng xác nhận việc kết hôn và quá trình chung sống của anh chị đúng nh- chị B đã trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng là do ghen tuông nên có nói chị B và chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại bản Tào, xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn sinh sống từ khoảng tháng 02/2019 cho đến nay, tuy nhiên anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có thể hòa giải đ- ợc và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Tôi và chị Lương Thị B có một con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Tuyết, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2010. Nếu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn tôi thì tôi có nguyện vọng xin được nuôi con chung và tôi không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ đã tiến hành hòa giải nh- ng không thành.

Theo như biên bản xác minh ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tại nơi cư trú (Thôn Đêu 4, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ và Bản Tào, xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn) đều xác định việc chị Lương Thị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 02/2019 cho đến nay. Nhiều lần anh H lên nhà bố mẹ vợ thì xảy ra tranh cãi, xô xát với chị B và có nhiều người dân ở bản Tào, xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn chứng kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị B, áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị B đ- ợc ly hôn anh H.

Về con chung: Theo như nguyện vọng của chị Lương Thị B và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Hồng Tuyết xin được ở với mẹ và bản thân anh Nguyễn Văn H hiện

tại đang đi làm ăn xa. Do vậy cần thiết giao cháu Nguyễn Thị Hồng Tuyết, sinh ngày 19/7/2010 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị B có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản, đề tự thỏa thuận. Ngân hàng CSXH thị xã Nghĩa Lộ chưa yêu cầu thu hồi khoản nợ trên của anh chị B H vì chưa đến hạn. Vì vậy căn cứ Điều 244 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ về phần chia tài sản chung.

Về án phí: Nguyễn đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 24 tháng 4 năm 2019 chị Lương Thị B có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Đêu 4, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lương Thị B và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nay chị B có đơn yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn và nuôi con chung”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị B và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đi đăng ký tại UBND xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái vào ngày 02/10/2009. Sau khi kết hôn, anh chị về sống cùng với bố mẹ chồng tại thôn Đêu 4, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái được 4 năm sau đó ra ở riêng nhưng cũng cùng địa chỉ trên. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn do anh H hay uống rượu và có tính ghen tuông. Anh H nhiều lần có hành vi dọa nạt, xúc phạm đến vợ và gia đình nhà vợ, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở bản Tào, xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn sống từ khoảng tháng 02/2019 cho đến nay (sống ly thân không ai quan tâm đến ai). Tuy đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh H.

Anh Nguyễn Văn H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do ghen tuông nên có nói chị B và chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và anh H có lên đón vài lần nhưng chị B không về chung sống cùng với tôi. Nay chị Lương Thị B làm đơn xin ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn. Bản thân anh H cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo như biên bản xác minh ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tại nơi cư trú (Thôn Đều 4, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ và Bản Tào, xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn) đều xác định việc chị Lường Thị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 02/2019 cho đến nay. Nhiều lần anh H lên nhà bố mẹ vợ thì xảy ra tranh cãi, xô xát với chị B và có nhiều người dân ở bản Tào, xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn chứng kiến.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy: Cuộc sống hôn nhân của chị Lường Thị B và anh Nguyễn Văn H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được, do đó căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh H.

[5] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Tuyết, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2010. Tòa án giải quyết cho ly hôn cả chị B và anh H đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu Tuyết đang ở với chị B, bản thân chị B có nguyện vọng nuôi con và cháu Tuyết có nguyện vọng xin được ở với mẹ, hiện nay anh H đang đi làm ăn xa, nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết tiếp tục giao cháu Tuyết cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết chị Lường Thị B có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản, để tự thỏa thuận. Ngày 14/6/2019 NHCSXH thị xã Nghĩa Lộ có công văn trả lời Tòa án về việc chưa yêu cầu thu hồi khoản nợ trên của anh chị B H vì chưa đến hạn. Vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ về việc yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại Điều 244 BLTTDS.

[7] Về án phí: chị Lường Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Đồng thời chị B được hoàn trả lại số tiền 6.000.000đ tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp do chị Bình rút yêu cầu.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị B, xử cho chị Lường Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng Tuyết, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2010 cho chị Lường Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến

khi cháu Tuyết đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Lường Thị B.

4. Về án phí: Chị Lường Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị B đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003101 ngày 25/4/2019 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái). Đồng thời chị B được hoàn trả lại số tiền 6.000.000đ tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp do chị B rút yêu cầu.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND TXNLộ;
- CCTHADS TXNLộ;
- NHCSXH thị xã Nghĩa Lộ;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Hạnh Sơn;
- L- u HS; TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Anh